TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2020/DS-PT
Ngày 28 – 7 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Đặng Văn Thành

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phan Thanh Trúc – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà*:** Ông Đỗ Thành Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 39/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1134/2020/QĐ-PT ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Sầm Văn Ngh, *(chết ngày 17/9/2018);*

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngh:

1. Bà Sầm Thị Ch, sinh năm 1949; địa chỉ: Ấp HL, xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An; *(vắng mặt).*

2. Bà Sầm Thị L, sinh năm 1951; địa chỉ: Ấp Tây, xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An; *(vắng mặt).*

3. Ông Sầm Minh H (Sầm Văn H), sinh năm 1955; địa chỉ: Số 5308.21.ST – VIT 9N2 BC – CANADA; *(vắng mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền của bà Sầm Thị L, bà Sâm Thị Ch, ông Sâm Minh H (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 27/9/2018 và ngày 12/11/2018): Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 15 đường số 7, phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; *(có mặt).*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngh: Ông Vũ Đình Th - Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Mỹ H, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; *(có mặt).*

- *Bị đơn*:

1. Bà Trần Thị Kh, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp HL, xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An; *(có mặt).*

Người đại diện theo ủy quyền của bà Kh:

1.1. Bà Võ Thị Ân, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp 1B, xã Long Sơn, huyện CĐ, tỉnh Long An; *(theo Giấy ủy quyền ngày 07/6/2017, bà Ân có mặt).*

1.2. Bà Võ Bích Thủy, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 01, Tú Mỡ, Phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh; *(theo Giấy ủy quyền ngày 25/7/2020, bà Thủy có mặt).*

2. Bà Sầm Trần Phương Liễu, sinh năm 1992, *(có mặt).*

3. Bà Sầm Trần Phương Th1, sinh năm 1997, *(có mặt).*

4. Bà Sầm Trần Phương Th, sinh năm 1999, *(có mặt).*

Cùng địa chỉ: Ấp HL, xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Sầm Thị Ch, sinh năm 1949; địa chỉ: Ấp HL, xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An; *(vắng mặt).*

2. Bà Sầm Thị L, sinh năm 1951; địa chỉ: Ấp Tây, xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An; *(vắng mặt).*

3. Ông Sầm Minh H (Sầm Văn H), sinh năm 1955; địa chỉ: Số 5308.21.ST - VIT 9N2 BC – CANADA; *(vắng mặt).*

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà Ch, ông H* (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 27/9/2018 và ngày 12/11/2018): Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 15 đường số 7, phường 4, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh; *(có mặt).*

4. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 553 ấp HL, xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An; *(xin vắng mặt).*

5. Ông Sầm Văn Phúc, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp HL, xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An; địa chỉ tạm trú: Số 002 Lô A2, chung cư LG, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; *(xin vắng mặt).*

6. Ủy ban nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An, *(xin vắng mặt);*

Địa chỉ: Khu A1, thị trấn CĐ, huyện CĐ, tỉnh Long An;

7. Ủy ban nhân dân xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn U – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã LHT, *(có mặt).*

Địa chỉ: Ấp Tây, xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo*: Bà Võ Thị A là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Kh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Sầm Văn Ngh và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngh là bà Sầm Thị Ch, bà Sầm Thị L và ông Sầm Minh H do bà Nguyễn Thị Mỹ H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Sầm Văn Ngh (chết 2018) và bà Nguyễn Thị N (chết năm 2007) là vợ chồng có 04 người con chung: Sầm Thị Ch, sinh năm 1949; Sầm Thị L, sinh năm 1951; Sầm Minh H (Sầm Văn H), sinh năm 1955; Sầm Văn H1, sinh năm 1964 (chết năm 2015). Các thửa đất số 228, tờ bản đồ số 05, diện tích 1633m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích thực tế 1646,7m^2, loại đất vườn; thửa đất số 229, tờ bản đồ số 05, diện tích 525m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích thực tế 535,6m^2, loại đất thổ; thửa đất số 2641, tờ bản đồ số 02, diện tích 1120m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích thực tế 1035,3m^2, loại đất lúa; thửa đất số 2452, tờ bản đồ số 02, diện tích 4750m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích thực tế 4533,9m^2, loại đất lúa, tọa lạc tại ấp HL, xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An, là tài sản chung của ông Ngh và bà N, khi bà N chết không để lại di chúc.

Bà Ch và bà L lấy chồng ở riêng, ông H hiện đang định cư ở Canada. Ông Ngh sống chung với ông H1 là con trai út tại ấp HL, xã LHT, huyện CĐ. Ngày 09/7/2009, ông H1 đem giấy tờ về nhà kêu ông Ngh ký tên vào giấy ủy quyền cho ông H1 để vay tiền ở Ngân hàng về chữa bệnh cho ông H1, vì thương con nên ông Ngh có ký tên vào giấy tờ trên mà không có đọc lại nội dung, đến ngày 28/7/2009 ông H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất trên. Sau khi ông H1 chết ngày 14/10/2015, vợ ông H1 là bà Trần Thị Kh cũng đem giấy tờ về cho ông Ngh ký nói là ký giấy ủy quyền để vay tiền Ngân hàng để trả tiền thuốc cho ông H1, ông Ngh tin tưởng nên ký vào giấy, bà Kh đem giấy tờ về cho ông Sầm Văn Phúc là con riêng của ông H1 ký thì ông Phúc đọc lại và phát hiện ra đó là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên ông Phúc không ký và báo cho ông Ngh và các con ông Ngh biết. Việc ông Ngh ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H1 là do ông Ngh nghĩ ký vào giấy để vay tiền. Như vậy, việc ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là không thể hiện ý chí của ông Ngh. Ngoài ra, các quyền sử dụng đất trên là tài sản chung của vợ chồng ông Ngh và bà N, nhưng bà N chết không để lại di chúc, các con ông Ngh chưa lập văn bản thỏa

thuận phân chia di sản thừa kế đối với phần di sản do bà N chết để lại. Do đó, giao dịch chuyển nhượng 04 thửa đất trên giữa ông H1 và ông Ngh chưa có sự đồng ý của các con ông Ngh là trái quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án thì ông Sầm Văn Ngh chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngh vẫn yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo yêu cầu của ông Ngh trước đây, cụ thể:

+ Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Sầm Văn Ngh với ông Sầm Văn H1 do Ủy ban nhân dân xã LHT chứng thực ngày 09/7/2009 đối với các thửa đất số 228, 229, 2452, 2641, tổng diện tích 8028m^2 đất tọa lạc tại xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An.

+ Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện CĐ cấp ngày 28/7/2009 cho ông Sầm Văn H1 đứng tên tại các thửa đất số 228; thửa đất số 229; thửa đất số 2641; thửa đất số 2452; đất tọa lạc tại ấp HL, xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An.

+ Công nhận quyền sử dụng đất gồm thửa số 228, tờ bản đồ số 5, diện tích 1633m^2, loại đất vườn; thửa đất số 229, tờ bản đồ số 05, diện tích 525m^2, loại đất thổ; thửa đất số 2641, tờ bản đồ số 02, diện tích 1120m^2, loại đất lúa; thửa đất số 2452, tờ bản đồ số 02, diện tích 4750m^2 loại đất lúa là tài sản của ông Sầm Văn Ngh và bà Nguyễn Thị N.

Bị đơn bà Trần Thị Kh do bà Võ Thị A là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc các thửa đất đang tranh chấp đúng như người thừa kế quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn trình bày. Nhưng ngày 09/7/2009, ông Ngh đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H1 04 thửa đất số 228, 229, 2452, 2641 được Ủy ban nhân dân xã LHT chứng thực hợp đồng. Khi ông H1 còn sống thì vợ chồng bà Kh ở chung với ông Ngh và phụng dưỡng ông Ngh nên ông Ngh cho vợ chồng bà Kh phần đất trên. Nay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Kh không đồng ý vì ông Ngh chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H1 là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, sau khi ông H1 được giao quản lý sử dụng phần đất này từ năm 2009 đến năm 2016 thì ông H1 sử dụng và có xây thêm và sửa chữa phần sân của nhà 3 và nhà 4 theo Mảnh trích đo địa chính số 23-2018 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện CĐ duyệt ngày 15/01/2018. Khi ký hợp đồng tặng cho năm 2009 thì trên đất đã có các căn nhà 1 và 2, vợ chồng bà Kh và ông H1 tiếp tục quản lý sử dụng. Hiện bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Kh đang giữ, không cầm cố, thế chấp cho cá nhân, tổ chức nào. Các thửa đất 2641, thửa 2452 loại đất lúa hiện bà Kh đang quản lý sử dụng và các thửa đất 228, 229 do các nguyên đơn đang quản lý, sử dụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Các đương sự Sầm Trần Phương Th1, Sầm Trần Phương Liễu và Sầm Trần Phương Th là con của ông H1 và bà Kh trình bày: Việc ông Ngh tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H1 là hoàn toàn tự nguyện nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Ông Sầm Văn Phúc trình bày: Ông là con của ông Sầm Văn H1. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì Ủy ban nhân dân huyện CĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 là hợp pháp. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

+ Ủy ban nhân dân huyện CĐ có văn bản trình bày ý kiến: Ủy ban nhân dân huyện CĐ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất số 228, 229, tờ bản đồ số 5; thửa 2641 và thửa số 2452, tờ bản đồ số 2 cho ông Sầm Văn H1 thông qua Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngh với ông H1 ngày 09/7/2009. Đến ngày 28/7/2009, Ủy ban nhân dân huyện CĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 là hoàn toàn đúng trình tự thủ tục theo quy định. Ông Ngh khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng ngày 09/7/2009 giữa ông Ngh và ông H1, hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện CĐ cấp ngày 29/7/2009 cho ông H1, đề nghị Tòa án xét xử theo luật định. Đại diện Ủy ban nhân dân huyện CĐ xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân các cấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số:78/2019/DS-ST ngày 25/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 38, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 132, 169, 219 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 429 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sầm Văn Ngh, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Sầm Văn Ngh là bà Sầm Thị Ch, bà Sầm Thị L, ông Sầm Minh H.

1.1. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Sầm Văn Ngh với ông Sầm Văn H1 do Ủy ban nhân dân xã LHT chứng thực hợp đồng số 103, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 09/7/2009 đối với thửa đất số 228 và 229 tờ bản đồ số 05, thửa 2452 và 2641 tờ bản đồ số 02, tổng diện tích 8028m^2 (theo hợp đồng chuyển nhượng) tọa lạc tại xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An.

1.2. Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số AQ 011971, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02117 đối với thửa 228; số AQ 011990, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02118 đối với thửa 229; số AQ 011970, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02119 đối với thửa 2641 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 011969, số vào

sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02122 đối với thửa 2452; tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Sầm Văn H đứng tên ngày 28/7/2009.

1.3. Quyền sử dụng đất gồm thửa số 228, tờ bản đồ số 5, diện tích 1633m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 1646,7m^2 loại đất vườn; thửa đất số 229, tờ bản đồ số 05, diện tích 525m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 535,6m^2 loại đất thổ; thửa đất số 2641, tờ bản đồ số 02, diện tích 1120m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 1035,3m^2 loại đất lúa; thửa đất số 2452, tờ bản đồ số 02, diện tích 4750m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 4533,9m^2 loại đất lúa xác định là tài sản chung của ông Sầm Văn Ngh và bà Nguyễn Thị N.

1.4. Đối với quyền sử dụng thửa đất số 228, tờ bản đồ số 05, diện tích 1633m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 1646,7m^2 loại đất vườn; thửa đất số 229, tờ bản đồ số 05, diện tích 525m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 535,6m^2, loại đất thổ, tạm giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Sầm Văn Ngh là bà Sầm Thị Ch, bà Sầm Thị L và ông Sầm Minh H tiếp tục quản lý và sử dụng.

1.5. Đối với quyền sử dụng thửa đất số 2641, tờ bản đồ số 02, diện tích 1120m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 1035,3m^2, loại đất lúa; thửa đất số 2452, tờ bản đồ số 02, diện tích 4750m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 4533,9m^2 loại đất lúa tạm giao cho bà Trần Thị Kh, chị Sầm Trần Phương Liễu, chị Sầm Trần Phương Th1 và chị Sầm Trần Phương Th tiếp tục quản lý và sử dụng.

2. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Sầm Văn Ngh là bà Sầm Thị Ch, bà Sầm Thị L và ông Sầm Minh H có nghĩa vụ hoàn trả tiền giá trị nhà 3 và nhà 4 là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) cho các bị đơn là bà Trần Thị Kh, chị Sầm Trần Phương Liễu, chị Sầm Trần Phương Th1 và chị Sầm Trần Phương Th.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá, đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/11/2019, bà Võ Thị A là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Kh có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì thời hiệu khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã hết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị Kh và những người đại diện theo ủy quyền của bà Kh trình bày về việc thay đổi, bổ sung kháng cáo là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, với lý do như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể: Xác định sai quan hệ tranh chấp và người tham gia tố tụng trong vụ án. Vì việc ông Sầm Văn Ngh và ông Sầm Văn H1 lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng thực chất ông Ngh tặng cho ông H1 quyền sử dụng các thửa đất này; Tòa án cấp sơ thẩm hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Sầm Văn Ngh với ông Sầm Văn H1, nhưng không giải quyết hậu quả của hợp đồng.

Tài sản trên đất tranh chấp là của ông H1, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định là của ông Sầm Minh H là do việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất tranh chấp là tài sản chung của ông Sầm Văn Ngh và bà Nguyễn Thị N là chưa đủ căn cứ.

Luật sư Vũ Đình Th bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất các thửa số 228, 229 thuộc tờ bản đồ số 05 và các thửa đất số 2641, 2452 thuộc tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An là tài sản chung của ông Sầm Văn Ngh và bà Nguyễn Thị N, là đúng. Trong quá trình tham gia tố tụng giải quyết vụ án, bà Kh và các con bà Kh cũng đồng ý trả lại 50% diện tích đất nêu trên, nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý.

Do bà N chết không để lại di chúc nên việc định đoạt di sản của bà N trong khối tài sản chung của ông Ngh và bà N phải do những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N thống nhất quyết định. Vì vậy, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngh và ông H1 đối với các thửa đất nêu trên không có ý kiến đồng ý của các con bà N là trái quy định pháp luật. Việc UBND xã LHT chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngh và ông H1 nhưng không xem xét tài sản trên đất là thiếu sót, không đúng quy định pháp luật.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H1 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngh và ông H1, là có căn cứ.

Về thời hiệu yêu cầu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngh và ông H1 đã được Tòa án cấp sơ thẩm phân tích và nhận định là có căn cứ; hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Kh và các đương sự khác không yêu cầu áp dụng thời hiệu.

Vì các lẽ trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sầm Văn Ngh, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ngh là bà Sầm Thị Ch, bà Sầm Thị L, ông Sầm Minh H, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kh là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Kh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kh:

Về thời hiệu yêu cầu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngh và ông H1 đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là đúng.

Về các thửa đất số 228, 229 thuộc tờ bản đồ số 05 và các thửa đất số 2641, 2452 thuộc tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất các thửa đất này là tài sản chung của ông Sầm Văn Ngh và bà Nguyễn Thị N, là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, có căn cứ, đúng theo quy định pháp luật.

Do bà N chết không để lại di chúc mà hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngh và ông H1 đối với các thửa đất nêu trên được lập lại không có ý kiến đồng ý của các con bà N. Nên Tòa án cấp sơ thẩm hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H1 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngh và ông H1, là đúng.

Theo đó xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sầm Văn Ngh, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Ngh là bà Sầm Thị Ch, bà Sầm Thị L và ông Sầm Minh H, là có căn cứ. Bị đơn bà Trần Thị Kh kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới nên không có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà Kh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kh, do người đại diện theo ủy quyền của bà Kh là bà Võ Thị A thực hiện, nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là bị đơn bà Trần Thị Kh có sự thay đổi, bổ sung kháng cáo với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Xét việc thay đổi, bổ sung kháng cáo của bà Kh tại phiên tòa phúc thẩm không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự, như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ tranh chấp và đương sự của vụ án:*

Vụ án này được Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo đơn khởi kiện của ông Sầm Văn Ngh. Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông Sầm Văn Ngh chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông

Ngh vẫn yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của ông Ngh với các yêu cầu cụ thể:

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Sầm Văn Ngh với ông Sầm Văn H1 do UBND xã LHT chứng thực ngày 09/7/2009 đối với các thửa đất số 228, 229, 2452, 2641, tọa lạc tại xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An. Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện CĐ cấp ngày 28/7/2009 cho ông Sầm Văn H1 đứng tên theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngh và ông H1 nêu trên. Công nhận quyền sử dụng đất các thửa đất nêu trên là tài sản chung của ông Sầm Văn Ngh và bà Nguyễn Thị N.

Qua đó xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* là đúng theo yêu cầu khởi kiện của đương sự. Việc xác định đương sự và tư cách tham gia tố tụng của từng đương sự là đầy đủ và đúng theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án. Vì vậy, bị đơn bà Trần Thị Kh kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp và người tham gia tố tụng trong vụ án, là không có cơ sở.

[2] *Về quyền sử dụng đối với các thửa đất số 228, 229, 2452, 2641 tọa lạc tại xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An và thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/7/2009 giữa ông Sầm Văn Ngh và ông Sầm Văn H1 đối với các thửa đất này:*

Ngày 15/9/1996, UBND huyện CĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Sầm Văn Ngh đứng tên đối với các thửa đất số 228, 229, 2452, 2641 tọa lạc tại xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An. Tuy nhiên, các đương sự thống nhất thừa nhận ông Sầm Văn Ngh (chết 2018) và bà Nguyễn Thị N (chết năm 2007) là vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị Kh và các con bà Kh cũng đồng ý trả lại 50% diện tích các thửa đất nêu trên, nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý. Theo đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định các thửa đất số 228, 229, 2452, 2641 tọa lạc tại xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An là tài sản chung vợ chồng ông Ngh và bà N là đúng theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 219 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và xác định tài sản này chưa chia là có căn cứ.

Các đương sự thống nhất xác nhận vợ chồng bà N và ông Ngh có 04 người con chung: Sầm Thị Ch, sinh năm 1949; Sầm Thị L, sinh năm 1951; Sầm Minh H (Sầm Văn H), sinh năm 1955; Sầm Văn H1, sinh năm 1964 (chết năm 2015). Bà N chết không để lại di chúc.

Do bà Nguyễn Thị N chết không để lại di chúc, di sản của bà N chưa chia thừa kế và nằm trong khối tài sản chung vợ chồng do ông Ngh quản lý, nên ông Ngh phải thực hiện nghĩa vụ quản lý di sản của bà N theo quy định tại Điều 639 Bộ luật Dân sự năm 2005 và việc định đoạt di sản của bà N phải do những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà N thống nhất quyết định theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/7/2009, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã LHT chứng thực hợp đồng, với nội dung ông

Ngh chuyển nhượng cho ông H1 các thửa đất số 228, 229 thuộc tờ bản đồ số 05 và các thửa đất số 2452, 2641 thuộc tờ bản đồ số 02 tổng diện tích 8028m^2 tọa lạc tại xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An, nhưng không có ý kiến đồng ý của các con bà N là vi phạm điều cấm của pháp luật, bị vô hiệu theo quy định tại Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005 và thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng này là không bị hạn chế theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Mặt khác, tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự đã quy định: *Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiện theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc.* Trong khi tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, các bên đương sự đều không yêu cầu xem xét về thời hiệu yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/7/2009 giữa ông Ngh và ông H1. Tại phiên tòa sơ thẩm, khi được hỏi có đề nghị xem xét thời hiệu đối với việc ông Ngh chuyển nhượng đất cho ông H1 hay không thì bà A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng trả lời là không yêu cầu (BL 379).

Thêm nữa, qua xem xét Bản tự khai ngày 13/6/2017 và Đơn yêu cầu ngày 11/7/2017 của ông Sầm Văn Ngh (BL08-10, 232), Biên bản hòa giải tranh chấp đất ngày 11/10/2017 tại UBND xã LHT (BL232) còn thể hiện: Sau khi ông H1 chết đến khoảng giữa tháng 6/2016, bà Kh kêu ông Ngh và ông Ph ký giấy tờ để bà Kh tiếp tục vay tiền ngân hàng, lúc này ông Ph biết các thửa đất trên đã chuyển nhượng cho ông H1, nên thời điểm này ông Ngh và các con của ông mới biết ông Ngh đã ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông H1. Vì vậy, ngày 30/11/2016 bà Sầm Thị Ch có đơn khởi kiện, đến ngày 24/7/2017 bà Ch rút đơn khởi kiện Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Đến ngày 11/7/2017 ông Sầm Văn Ngh khởi kiện, trong đó có yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/7/2009 giữa ông Ngh và ông H1 nên trong trường hợp này là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy, bị đơn bà Trần Thị Kh kháng cáo cho rằng thời hiệu khởi kiện đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/7/2009 giữa ông Ngh và ông H1 đã hết là không có cơ sở.

[3] *Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/7/2009 giữa ông Ngh và ông H1 và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H1 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Ngh và ông H1.*

Do đã xác định được Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/7/2009 giữa ông Ngh và ông H1 vi phạm quy định tại Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005. Nên các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Sầm Văn H1 đứng tên ngày 28/7/2009 là theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/7/2009 giữa ông Ngh và ông H1 là không đúng quy định pháp luật.

Chính vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/7/2009 giữa ông Ngh và ông H1 và hủy các

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Sầm Văn H1 đứng tên ngày 28/7/2009 là theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/7/2009 giữa ông Ngh và ông H1, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sầm Văn Ngh, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Sầm Văn Ngh là bà Sầm Thị Ch, bà Sầm Thị L, ông Sầm Minh H, là đúng; kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kh là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Những ý kiến, quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Người kháng cáo bà Trần Thị Kh phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kh, do người đại diện theo ủy quyền của bà Kh là bà Võ Thị A thực hiện; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An:

Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 38, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 128, Điều 132, khoản 2 Điều 136, Điều 169, Điều 219 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 429 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Sầm Văn Ngh, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Sầm Văn Ngh là bà Sầm Thị Ch, bà Sầm Thị L, ông Sầm Minh H.

1.1. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Sầm Văn Ngh với ông Sầm Văn H1 do Ủy ban nhân dân xã LHT chứng thực hợp

đồng số 103, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 09/7/2009 đối với thửa đất số 228 và 229 tờ bản đồ số 05, thửa 2452 và 2641 tờ bản đồ số 02, tổng diện tích 8028m^2 (theo hợp đồng chuyển nhượng) tọa lạc tại xã LHT, huyện CĐ, tỉnh Long An.

1.2. Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số AQ 011971, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02117 đối với thửa 228; số AQ 011990, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02118 đối với thửa 229; số AQ 011970, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02119 đối với thửa 2641 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 011969, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02122 đối với thửa 2452; tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Sầm Văn H1 đứng tên ngày 28/7/2009.

1.3. Quyền sử dụng đất gồm thửa số 228, tờ bản đồ số 5, diện tích 1633m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 1646,7m^2 loại đất vườn; thửa đất số 229, tờ bản đồ số 05, diện tích 525m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 535,6m^2 loại đất thổ; thửa đất số 2641, tờ bản đồ số 02, diện tích 1120m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 1035,3m^2 loại đất lúa; thửa đất số 2452, tờ bản đồ số 02, diện tích 4750m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 4533,9m^2 loại đất lúa xác định là tài sản chung của cho ông Sầm Văn Ngh và bà Nguyễn Thị Nãy.

1.4. Đối với quyền sử dụng thửa đất số 228, tờ bản đồ số 05, diện tích 1633m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 1646,7m^2 loại đất vườn; thửa đất số 229, tờ bản đồ số 05, diện tích 525m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 535,6m^2, loại đất thổ, tạm giao cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Sầm Văn Ngh là bà Sầm Thị Ch, bà Sầm Thị L và ông Sầm Minh H tiếp tục quản lý và sử dụng.

1.5. Đối với quyền sử dụng thửa đất số 2641, tờ bản đồ số 02, diện tích 1120m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 1035,3m^2, loại đất lúa; thửa đất số 2452, tờ bản đồ số 02, diện tích 4750m^2 (diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), diện tích thực tế 4533,9m^2 loại đất lúa tạm giao cho bà Trần Thị Kh, chị Sầm Trần Phương Liễu, chị Sầm Trần Phương Th1 và chị Sầm Trần Phương Th tiếp tục quản lý và sử dụng.

2. Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Sầm Văn Ngh là bà Sầm Thị Ch, bà Sầm Thị L và ông Sầm Minh H có nghĩa vụ hoàn trả tiền giá trị nhà 3 và nhà 4 là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) cho các bị đơn là bà Trần Thị Kh, chị Sầm Trần Phương Liễu, chị Sầm Trần Phương Th1 và chị Sầm Trần Phương Th.

3. Về chi phí định giá, đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng cộng là 31.300.000 đồng, các bị đơn bà Trần Thị Kh, chị Sầm Trần Phương L, chị Sầm Trần Phương Th1, chị Sầm Trần Phương Th phải chịu.

Do những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là bà Sầm Thị Ch, bà Sầm Thị L và ông Sầm Minh H đã tạm ứng 31.300.000 đồng (do bà Nguyễn Thị Mỹ H đại diện đã nộp thay). Nên các bị đơn bà Trần Thị Kh, chị Sầm Trần Phương L, chị Sầm Trần Phương Th1 và chị Sầm Trần Phương Th phải có nghĩa vụ liên đới nộp 31.300.000đ (ba mươi mốt triệu ba trăm ngàn đồng) để hoàn trả lại cho bà Sầm Thị Ch, bà Sầm Thị L và ông Sầm Minh H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trần Thị Kh, chị Sầm Trần Phương Liễu, chị Sầm Trần Phương Th1 và chị Sầm Trần Phương Th phải liên đới chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Sầm Văn Ngh là bà Sầm Thị Ch, bà Sầm Thị L và ông Sầm Minh H phải chịu 750.000 đồng tiền án phí sơ thẩm trên yêu cầu bồi hoàn chi phí nhà 3 và nhà 4 cho các bị đơn; nhưng được trừ vào số tiền 12.600.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (do bà Nguyễn Thị Mỹ H nộp thay) theo các Biên lai thu số 0009641 ngày 19/7/2017, 0000830 ngày 04/5/2017, 0009640 ngày 19/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An; hoàn trả số tiền còn lại 11.850.000 đồng cho bà Sầm Thị Ch, bà Sầm Thị L và ông Sầm Minh H.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn Trần Thị Kh phải chịu 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp (do bà Võ Thị A nộp thay) theo Biên lai thu số 0000654 ngày 02/12/2019 của Cục Thi hành án dân dự tỉnh Long An; bà Kh đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 28 tháng 7 năm 2020.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu – (Án - Trúc).

Đỗ Đình Thanh

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Thành **Võ Văn Khoa** **Đỗ Đình Thanh**